

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2018.

V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thao.

2. Bà Trần Thị Khanh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/ST-HNGĐ ngày 04/01/2018 về việc ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trang N, sinh năm 1979.

HKTT: thôn BP, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên toà (vắng mặt khi tuyên án)

Bi đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977.

Tên gọi khác: Nguyễn Văn H.

HKTT và nơi cư trú: thôn BP, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang N trình bày: Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã NL vào năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại xã NL, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống dẫn đến gia đình không có hạnh phúc. Anh H thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, thậm chí sử dụng bạo lực đối với chị. Bản thân chị đã cố gắng và gia đình hai bên cũng tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng đều không khắc phục được mâu thuẫn. Chị và anh H đã sống ly thân

được khoảng 3 năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh và chị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, có lối sống trái ngược nhau, không tôn trọng và tin tưởng nhau. Chị N không làm tròn bổn phận của người mẹ, người vợ trong gia đình. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và xa cách. Chị N bỏ về nhà để sống từ năm 2017 đến nay, anh đã nhiều lần tìm nhưng chị N không về. Vợ chồng sống ly thân từ đó, nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và làm đơn xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị xác định có 03 con chung là Nguyễn Hà Tr, sinh ngày 01/12/2003; Nguyễn Vũ M, sinh ngày 09/3/2015 và Nguyễn Vũ A, sinh ngày 09/3/2015.

Quan điểm của chị N: Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay con Tr đã trên 07 tuổi, con có nguyện vọng ở với ai chị cũng nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của con. Năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn chị bỏ về nhà ngoại sống, chị có mang theo 02 con Vũ A và Vũ M nhưng con ở với chị một thời gian thì anh H xuống đón con, chị không thể ngăn cản quyền đón con của anh. Vì anh là người nóng tính nếu vợ chồng mà giằng co con thì các con sẽ bị ảnh hưởng lớn về mặt tâm lý nên chấp nhận để anh đón con về. Trong suốt khoảng thời gian anh nuôi con, anh luôn tìm cách ngăn cản việc chăm sóc, gặp gỡ con của chị. Chị muốn gặp con phải đi ra trường gặp, còn không được về nhà thăm con. Con ở với anh H nhưng thực tế anh đi làm tối ngày, các con đều do bác giúp việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Mỗi khi con ốm, nghe thông tin chị về để đưa con đi khám nhưng anh không cho chị đưa đi, chị đành bất lực. Mặc dù các con của chị vẫn phát triển bình thường nhưng về mặt tâm lý không được ổn định nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giao 02 con cho chị nuôi dưỡng. Thực tế con Vũ A và Vũ M là sinh đôi nên chị không muốn tách các con ra, như vậy sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của các con. Nếu chị được nuôi dưỡng 02 con, chị sẽ đảm bảo cho các con phát triển tốt về mọi mặt.

Quan điểm của anh: Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 con và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp buộc phải giao con cho chị N thì anh sẽ giao con Hà Tr cho chị nuôi dưỡng, anh biết con Tr không có nguyện vọng ở với chị nhưng anh vẫn chấp nhận vì

anh biết Tòa án có giao thì con vẫn ở với anh. Anh chỉ đồng ý cho chị nuôi dưỡng cả ba con khi: Chị có nhà riêng (nhà đất mang tên chị) và trong nhà đầy đủ tiện nghi, có người giúp việc, có khả năng đảm bảo tốt cho các con anh phát triển về mọi mặt, còn hiện nay theo anh được biết thì chị đang sống chung với bố mẹ, chỗ ở không đảm bảo, không có người giúp việc chăm sóc con anh nên anh không đồng ý. Mặt khác, anh xác định chị không đủ tư cách, không xứng đáng để nuôi dạy các con. Điều kiện kinh tế của chị khó khăn, hiện nay chị vẫn vay nợ ngân hàng thì không thể có tiền để lo cho các con anh. Hơn nữa, nếu chị nuôi con thì chỉ được 01 – 02 tháng chị lại mang con trả anh hoặc chị đi lấy chồng con anh sẽ khổ nên anh không nhất trí cho chị nuôi con. Về phía anh, anh đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đang làm kinh doanh tại nhà, anh thuê người giúp việc chăm lo cho các con nên các con anh phát triển tốt. Thời gian trước đây, chị bỏ nhà đi có mang theo con nhưng sau đó anh thấy các con sống không đảm bảo anh đã đón về, anh không ngăn cản việc chị gặp gỡ chăm sóc các con bởi anh biết các con anh cũng rất quý mến mẹ. Tuy nhiên từ khi Tòa án tổ chức hòa giải, chị nói anh đánh đập chị là không chính xác nên anh mới tước quyền thăm gặp con của chị. Những gì chị trình bày tại Tòa án đều chứng tỏ chị không xứng đáng để nuôi các con anh. Quan điểm của anh khi giải quyết về con chung, Tòa án không nên tách 02 con Vũ A và Vũ M vì 02 con là sinh đôi, nếu tách ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tâm lý của con. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giao 02 con Vũ A, Vũ M cho anh nuôi dưỡng, con Hà Tr có nguyện vọng ở với ai, Tòa án nên chấp nhận nguyện vọng đó của con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có yêu cầu Tòa án ghi nhận buộc chị N phải để lại toàn bộ nhà đất hiện mang tên anh chị cho anh và các con. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu anh H làm đơn khởi kiện và nộp các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, trong thời hạn 15 ngày để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn trên anh H không nộp và anh có quan điểm không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng.

Về nợ và công sức: Anh chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình chị N bà Nguyễn Thị Minh C trình bày: Anh chị N H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, anh chị xác định không hàn gắn được tình cảm và nhất trí ly hôn, bà không có ý kiến gì. Về phần con chung: bà đề nghị Tòa án giao 02 con Vũ A và Vũ M cho chị N nuôi dưỡng vì: Khi vợ chồng bắt đầu chị N bỏ về sinh sống cùng bà, chị có mang theo con nhưng được khoảng 01 tuần anh H xuống đón con. Anh H có thái độ hung hăng, đập bàn, đập ghế, sau khi đón được con thì ngăn cản không cho mẹ con gặp nhau. Chị N muốn gặp con đều phải lén lút về nhà khi anh H không

có nhà hoặc đến nhà trẻ gặp con. Để đảm bảo quyền lợi của bà mẹ trẻ em, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nhung, về phía gia đình bà, hiện nay bà còn trẻ vẫn có thể giúp đỡ chị N trong việc chăm sóc con khi chị N đi làm, về chỗ ở nếu chị N được nuôi con thì chỗ ở của gia đình bà có thể đảm bảo cho sự phát triển tốt của các cháu.

Đại diện gia đình anh H ông Nguyễn Tương L trình bày: Anh chị H N lấy nhau có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn phát sinh, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, nay anh chị thống nhất ly hôn gia đình không có ý kiến gì. Về con chung: Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận theo nguyện vọng của anh H, giao con Vũ A và Vũ M cho anh H nuôi dưỡng vì từ nhỏ con vẫn ở với anh H, con phát triển tốt về mọi mặt. Các con anh H đang sinh sống cùng gia đình ông nên ông có thể hỗ trợ trong việc chăm sóc con. Chị N bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc gì đến các con nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị Nhung.

Đại diện chính quyền địa phương, bà Nguyễn Thị V (người giúp việc nhà anh H) và nhà trường nơi con anh chị học tập xác định: Tình hình học tập và phát triển của các con nhìn chung là tốt. Hàng ngày việc đưa đón, chăm sóc, ngủ nghỉ các con đều do bà V đảm nhiệm. Chị N thường xuyên ra trường học của Vũ A và Vũ M để thăm gặp, chăm sóc con. Nay anh chị ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định làm sao đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu.

Tại phiên toà: Nguyên, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn và giải quyết về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. 1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trang N và anh Nguyễn Xuân H. 2. *Về con chung:* Giao con Nguyễn Hà Tr, sinh ngày 01/12/2003 cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Giao 02 con Nguyễn Vũ A, sinh ngày 09/3/2015 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 09/3/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Anh chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang N có mặt tại phiên tòa. Khi HĐXX nghị nghị án đã thông báo thời gian tuyên án nhưng chị N vắng mặt không có lý do khi HĐXX vào tuyên án. Căn cứ khoản 4 Điều 264; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tuyên án vắng mặt chị N.

[2]. Về nội dung vụ án:

+. *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Trang N và anh Nguyễn Xuân H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã NL vào năm 2003. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc. Lòng tin giành cho nhau không còn. Anh xác định chị không xứng đáng là người vợ, người mẹ trong gia đình, còn chị trình bày: Anh sống không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn cuộc sống gia đình, chị N xin ly hôn anh Hà, anh H nhất trí ly hôn. Điều đó khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trang N và anh Nguyễn Xuân H là phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

+. *Quan hệ con chung*: Anh chị có 03 con chung, khi ly hôn cả anh và chị đều có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con Vũ A và Vũ M. Đối với con Hà Tr, con có nguyện vọng ở với ai, anh chị cũng nhất trí. Người được nuôi con tự nguyện không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên HĐXX xét về các điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con cả về mặt vật chất lẫn tinh thần thì thấy: Các điều kiện như chỗ ở, nghề nghiệp của anh và chị được đánh giá là tương xứng, không có sự chênh lệch nhiều nhưng xét sự ổn định về thu nhập hàng tháng, điều kiện chăm sóc và quá trình thăm gặp con HĐXX nhận thấy như sau:

Đối với con Hà Tr đã trên 07 tuổi, con có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, anh chị cũng đồng ý với nguyện vọng đó của con nên HĐXX ghi

nhận sự thống nhất của anh chị về việc giao con Nguyễn Hà Tr, sinh ngày 01/12/2003 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Đối với con Vũ A và Vũ M hiện đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ và sự chăm sóc của người mẹ là vô cùng cần thiết cho sự phát triển toàn diện của các con. Mặc dù hiện nay các con đang sinh sống cùng anh H nhưng phần chăm sóc con hàng ngày là do chị V (người giúp việc) đảm nhiệm, anh đi làm tối ngày nên việc chăm sóc các con cũng có phần khó khăn. Trong khi đó chị N là giáo viên làm việc trong giờ hành chính có điều kiện về thời gian hơn lại không được chăm sóc con, về phần thu nhập: Chị là giáo viên còn anh là lao động tự do nên thu nhập của chị sẽ ổn định hơn anh. Mặt khác, trong suốt khoảng thời gian anh chị sống ly thân, anh thường xuyên ngăn cản việc chăm sóc và gặp gỡ con của chị. Chị chỉ có thể gặp gỡ con ở trường mà không thể về nhà gặp và chăm sóc các con. Việc làm đó của anh đã gián tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con trẻ. Trước đây khi vợ chồng mâu thuẫn chị bỏ nhà đi có mang theo hai con nhưng sau đó anh xuống đón con mà không cần biết ý kiến của chị như thế nào, là người phụ nữ chị chỉ biết cam chịu, thương con nhưng không thể làm anh thay đổi. Lời khai về phần con của chị N và anh H phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đại diện hai bên gia đình, chính quyền địa phương và nhà trường nơi các con đang học tập. Điều đó khẳng định việc anh H ngăn cản sự chăm sóc và gặp gỡ con chung của chị N là có thật và anh sẽ còn tiếp tục ngăn cản chị gặp con nếu anh được nuôi dưỡng 03 con chung. Vì vậy, HĐXX xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con và đảm bảo quyền lợi chính đáng của chị N cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX xử giao 02 con Nguyễn Vũ A, sinh ngày 09/3/2015 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 09/3/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Anh Hà, chị N không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, về nợ về công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị Trang N phải chịu mỗi người 75.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Chị N tự nguyện chịu cả 150.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Anh H đồng ý với sự tự nguyện chịu án phí trên của chị nên HĐXX ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 357; khoản 4 Điều 264; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trang N và anh Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H).

2. *Về con chung*:

+. Xử giao con Nguyễn Hà Tr, sinh ngày 01/12/2003 cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

+. Xử giao 02 con Nguyễn Vũ A, sinh ngày 09/3/2015 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 09/3/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh H, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, về nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Trang N tự nguyện chịu cả 150.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001892 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Hoàn trả chị N số tiền 150.000đ.

Thông báo cho anh H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã NL, huyện Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Đào

